

Bản án số: **73/2020/DS-ST**  
Ngày: 11 – 11 – 2020.  
V/v tranh chấp: “Hợp đồng  
góp hui”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hoàng Nhân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Tuấn Khanh;
2. Ông Đặng Hoàng Mích.

***- Thư ký phiên Tòa:*** Ông Trần Minh Quyền –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 11 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2020/TLST – DS ngày 09 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2020/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1963 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp G, xã L, huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

***- Bị đơn:*** Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1955 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1958 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của ông L: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1955. Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Bến Tre, là người đại diện theo ủy quyền của ông L (Văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 10 năm 2020 (Có mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/7/2020, bản tự khai ngày 30/10/2020, biên bản hòa giải ngày 30/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà N làm chủ hội, bà là hội viên, bà có tham gia chơi một dây hội do bà N làm chủ, cụ thể như sau:

Hội khai ngày 25/01/2017 (al), hội mệnh giá 3.000.000 đồng, có 20 phần, tháng khai một lần vào ngày 25 (al) hàng tháng, bà tham gia chơi một phần. Bà đã đóng hội được 16 kỳ đến ngày 25/4/2019 thì hội bế. Như vậy, bà N còn thiếu bà tổng cộng với số tiền 48.000.000 đồng. Sau đó, bà N có trả cho bà 3.000.000 đồng, còn nợ lại 45.000.000 đồng đến nay chưa trả. Ông L chồng bà N biết việc bà N mở hội nên bà yêu cầu ông L và bà N cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền 45.000.000 đồng này. Bà không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên. Bà đồng ý cho bà N, ông L trả hai lần, trong thời hạn một năm là hoàn tất nợ cho bà.

**Tại phiên Tòa**, bà H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện của mình, không thay đổi.

*\* Tại bản tự khai ngày 30/10/2020 và biên bản hòa giải ngày 30/10/2020 và trong quá trình giải quyết bị đơn bà Nguyễn Thị N đồng thời cũng là người đại diện hợp pháp cho ông Nguyễn Văn L trình bày như sau:*

Bà thống nhất đối với toàn bộ lời trình bày của bà H. Bà thừa nhận còn nợ bà H 45.000.000 đồng tiền nợ hội đến nay chưa trả. Bà đồng ý cùng chồng là ông L trả tiền cho bà H. Nhưng bà sẽ trả dần hàng tháng, mỗi tháng với số tiền 500.000 đồng, trả đến khi hoàn tất nợ. Bởi vì, hiện nay vợ chồng bà đang bị nợ tiền hội chết rất nhiều. Chồng bà là ông L không trực tiếp tham gia giao dịch hội, nhưng ông L biết bà có mở hội và đồng ý cùng bà trả nợ cho bà H. Nay bà H yêu cầu trả 45.000.000 đồng tiền nợ hội theo mệnh giá hội thì bà cũng tự nguyện đồng ý trả, không có ý kiến gì khác.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu bà Nguyễn Thị N phải trả 45.000.000 đồng tiền nợ hội, Hội đồng xét xử xét thấy:**

Bà H yêu cầu bà N phải trả số tiền nợ hội 45.000.000 đồng, bà N thống nhất thừa nhận còn nợ bà H số tiền này. Do đó, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ đó, có căn cứ để Hội đồng xét xử xác định được, bà N có làm chủ hội, bà H đã tham gia chơi dây hội

khui ngày 25/01/2017 (al) do bà N làm chủ, bà H đã đóng hui đến ngày 25/4/2019 (al) ở phần khai thứ 16 thì hui bể. Nếu tính theo mệnh giá hui thì bà N còn nợ bà H 48.000.000 đồng. Sau đó, bà N đã trả cho bà H 3.000.000 đồng, còn nợ lại 45.000.000 đồng. Bà N cũng tự nguyện đồng ý trả cho bà H tiền nợ hui theo mệnh giá hui nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Lẽ ra khi hui bể, bà N phải có trách nhiệm hoàn trả lại tiền hui mà bà H đã đóng, nhưng bà không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ của chủ hui theo quy định tại Điều 18 Nghị định 19/NĐ-CP ngày 19/02/2019 quy định về hui, họ, biêu, phường. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà H có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu hai vợ chồng bà N và ông L cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay bà N đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông L đều khai nhận bà và ông L là vợ chồng hợp pháp, vẫn còn sống và sinh hoạt chung trong gia đình, ông L biết việc bà mở hui và ông L cũng đồng ý cùng bà N trả nợ cho bà H. Do đó, cần buộc ông L có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 27, 30 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Xét yêu cầu xin trả dần số nợ cho bà H của bà N, Hội đồng xét xử thấy rằng, đây thuộc giai đoạn thi hành án, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

#### **[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Căn cứ vào tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

+ Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận toàn bộ, nên bà N, ông L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, do ông bà là người cao tuổi nên được miễn.

+ Hoàn trả lại 1.125.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho bà H đã nộp theo biên lai thu số 0001983, ngày 09/10/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 471, 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị H đối với bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn L về việc “*Tranh chấp Hợp đồng góp hui*”.

**2.** Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn L chưa thi hành khoản tiền nêu trên, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**3.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

**3.1.** Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn L được miễn nộp toàn bộ án phí.

**3.2.** Bà Nguyễn Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.125.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001983, ngày 09 tháng 10 năm 2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

**4.** Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**5.** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Phạm Hoàng Nhân**